

Số: /QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ Quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ

Nội vụ qui định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;

Căn cứ Quyết định 967/QĐ-BHXH ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin trong ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3735/QĐ-BHXH ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý, triển khai, vận hành và khai thác hệ thống hạ tầng thông tin trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3766/QĐ-BHXH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý đối với người được áp dụng chế độ công chức, viên chức, người lao động ngành BHXH Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-BHXH ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ công văn số 2404/BHXH-CNTT ngày 18 tháng 7 năm 2024 của BHXH Việt Nam về việc công bố danh sách nền tảng, hệ thống thông tin do BHXH Việt Nam triển khai trên toàn quốc;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2366/QĐ-BHXH ngày 28/11/2018 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy chế Quản lý, khai thác và sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu tập trung ngành bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và

các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chu Mạnh Sinh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Quy chế tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu từ cơ sở dữ liệu
ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm
và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý
của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BHXH ngày .../.../2024
của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu từ cơ sở dữ liệu tập trung ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; việc bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội; trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân, đơn vị trong và ngoài ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành BHXH Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức và lao động hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (trừ lao động hợp đồng thực hiện các công việc hỗ trợ, phục vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 thuộc Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) của các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân ngoài ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam có hoạt động liên quan đến việc tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Từ ngữ viết tắt, rút gọn

- BHXH: Bảo hiểm xã hội.

- CSDL: Cơ sở dữ liệu.
- CNTT: Công nghệ thông tin.
- Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- BHXH tỉnh: Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- BHXH huyện: BHXH huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc BHXH tỉnh.

2. Thuật ngữ

2.1. *Tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL* là việc thu thập dữ liệu, tạo lập dữ liệu để hình thành các CSDL; quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu, quản lý sự thay đổi dữ liệu; chia sẻ dữ liệu và quản lý chia sẻ dữ liệu; khai thác, sử dụng dữ liệu do mình quản lý và khai thác, sử dụng dữ liệu được chia sẻ từ cơ quan nhà nước khác.

2.2. *Tài khoản* là những thông số nhất định mà người thiết lập, tổ chức quản lý và sử dụng được cấp để truy cập vào hệ thống thông tin hoặc CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm thực hiện các tác vụ theo chức năng, nhiệm vụ được phân quyền, bao gồm: tên tài khoản và mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác.

2.3. *Dữ liệu* là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự có thể xử lý được trên máy tính.

2.4. *Dữ liệu cá nhân* là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm (được quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân).

2.5. *Bảo vệ dữ liệu cá nhân* là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

2.6. *Chủ thể dữ liệu* là cá nhân được dữ liệu cá nhân phản ánh.

2.7. *Xử lý dữ liệu cá nhân* là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

2.8. *CSDL* là tập hợp các dữ liệu điện tử được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

2.9. *CSDL ngành BHXH Việt Nam* là CSDL do BHXH Việt Nam xây dựng,

phát triển nhằm mục đích phục vụ riêng cho từng lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của đơn vị; phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo BHXH Việt Nam; phục vụ dữ liệu phân tích vĩ mô, đánh giá tác động chính sách trong các lĩnh vực quản lý của BHXH Việt Nam và kết nối, cập nhật dữ liệu với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

2.10. *CSDL quốc gia về Bảo hiểm* là CSDL quốc gia lưu trữ thông tin về BHXH, BHYT, BHTN và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân. CSDL quốc gia về Bảo hiểm là CSDL của Chính phủ được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.11. *Hệ thống hạ tầng thông tin* là tập hợp trang thiết bị (máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy trạm, máy tính xách tay, các thiết bị đầu cuối), đường truyền dẫn kết nối phục vụ chung hoạt động nghiệp vụ của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2.12. *Hệ thống thông tin* là tập hợp phần cứng, phần mềm và hệ quản trị CSDL được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng.

2.13. *Trung tâm dữ liệu Ngành* (bao gồm Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng) là nơi tập trung các thiết bị phần cứng, ứng dụng và các thành phần liên quan để lưu trữ và quản lý CSDL ngành BHXH Việt Nam

2.14. *Đơn vị cung cấp dịch vụ* là tổ chức ngoài ngành BHXH Việt Nam được cơ quan BHXH thuê hoặc thỏa thuận thông qua hợp đồng để tham gia xây dựng, quản trị, vận hành, khai thác, nâng cấp, phát triển hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam.

2.15. *Đơn vị chủ quản CSDL* là đơn vị được giao chủ trì quản lý, cập nhật, tổ chức khai thác, sử dụng CSDL.

a) *Đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương* là đơn vị được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam giao chủ trì quản lý, cập nhật, tổ chức khai thác, sử dụng CSDL tại Phụ lục danh mục CSDL ngành BHXH Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-BHXH ngày 28/6/2024 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu ngành BHXH Việt Nam và Phụ lục danh mục nền tảng, hệ thống thông tin do BHXH Việt Nam triển khai trên toàn quốc đính kèm Công văn số 2405/BHXH-CNTT ngày 18/7/2024 của BHXH Việt Nam về việc công bố danh sách nền tảng, hệ thống thông tin do BHXH Việt Nam triển khai trên toàn quốc.

b) *Đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh* là đơn vị được Giám đốc BHXH tỉnh giao chủ trì quản lý, cập nhật, tổ chức khai thác, sử dụng CSDL theo chuyên môn, nghiệp vụ.

2.16. *Quản trị CSDL* là các cá nhân công tác trong ngành BHXH Việt Nam và cá nhân thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ được Bảo hiểm xã hội Việt Nam giao tổ chức, quản trị dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam.

2.17. *Quản trị tài khoản truy cập* là các cá nhân công tác trong ngành BHXH Việt Nam và cá nhân thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ được giao vận hành các thông số kỹ thuật và quản lý, cấp phát, thu hồi, thay đổi hoặc hủy bỏ thông tin tài khoản, quyền truy cập đến hệ thống thông tin. Bao gồm:

a) *Quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương* là các cá nhân công tác tại Trung tâm CNTT, cá nhân thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ được Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin giao vận hành các thông số kỹ thuật và quản lý, cấp phát, thu hồi, thay đổi hoặc hủy bỏ thông tin tài khoản, quyền truy cập đến hệ thống thông tin sau khi được sự đồng ý của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

b) *Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh* là các cá nhân đầu mối phụ trách CNTT trực thuộc BHXH tỉnh được Giám đốc BHXH tỉnh giao vận hành các thông số kỹ thuật và quản lý, cấp phát, thu hồi, thay đổi hoặc hủy bỏ thông tin tài khoản, quyền truy cập đến hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh.

2.18. *Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu* là các cá nhân công tác trong ngành BHXH Việt Nam được giao phân quyền chức năng, phạm vi và các tham số trong Hệ thống thông tin. Bao gồm:

a) *Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp Trung ương* là các cá nhân công tác tại đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương được đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương giao quyền quản trị hệ thống thông tin để phân quyền chức năng, phạm vi và các tham số trong hệ thống thông tin để truy cập đến thông tin, dữ liệu sau khi được sự đồng ý của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

b) *Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh* là các cá nhân công tác tại đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh được Giám đốc BHXH tỉnh giao quyền quản trị hệ thống thông tin để phân quyền chức năng, phạm vi và các tham số trong hệ thống thông tin để truy cập đến thông tin, dữ liệu.

2.19. *Người sử dụng* là công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này được lãnh đạo đơn vị phân công nhiệm vụ và được cấp tài khoản truy cập vào CSDL thông qua hệ thống thông tin; các cá nhân ngoài ngành BHXH Việt Nam được sự cho phép của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2.20. *Hệ thống IAM*: Là hệ thống kiểm soát truy nhập và xác thực tài khoản

tập trung ngành BHXH Việt Nam.

2.21. *Giao diện lập trình ứng dụng - API* (Application Programming Interface): là một giao diện mà một hệ thống máy tính hay ứng dụng cung cấp để cho phép các yêu cầu dịch vụ có thể được tạo ra từ các chương trình máy tính khác hoặc cho phép dữ liệu có thể được trao đổi qua lại với nhau.

Điều 4. Nguyên tắc chung tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. Tuân thủ các quy định của Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2018; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/05/2024 của Chính phủ Quy định về Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia và các quy định khác của pháp luật hiện hành về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với CSDL quốc gia và các hệ thống thông tin kết nối với CSDL quốc gia.

2. Phù hợp với chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch ứng dụng CNTT phát triển chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của ngành BHXH Việt Nam. Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua các hệ thống trung gian như: nền tảng, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh; Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc kết nối trực tiếp giữa các hệ thống thông tin, CSDL trong trường hợp Bộ, ngành chưa đáp ứng được mô hình kết nối, chia sẻ qua các hệ thống trung gian. Phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng.

3. CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm được chia sẻ với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính của ngành BHXH Việt Nam nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan, tổ

chức, cá nhân có liên quan, không xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp pháp luật khác có quy định.

5. Dữ liệu phải đảm bảo tính cập nhật, chính xác, khoa học, đầy đủ, an toàn, bảo mật thông tin và lưu trữ lâu dài; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, thống nhất, hạn chế trùng lặp, đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ theo mô hình kiến trúc, quy hoạch thiết kế tổng thể, có khả năng dùng chung, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống khác trong ngành BHXH Việt Nam.

6. Nhật ký tự động được thiết kế sẵn trong CSDL ngành BHXH Việt Nam và nhật ký sử dụng hệ thống thông tin là căn cứ chứng minh cho các hoạt động có tác động đến dữ liệu trong CSDL ngành BHXH Việt Nam.

7. Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và lệ phí.

8. Việc tạo lập, thông tin dữ liệu trong CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm phải sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung, thống nhất với dữ liệu chủ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

9. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm phải đảm bảo điều kiện hạ tầng, hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và của BHXH Việt Nam.

10. Khuyến khích, thúc đẩy việc trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa BHXH Việt Nam với các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan, tổ chức quốc tế khác tuân thủ quy định của pháp luật và của ngành BHXH Việt Nam.

11. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác dữ liệu của mình hoặc dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác trong CSDL ngành BHXH Việt Nam và CSDL quốc gia về Bảo hiểm khi được tổ chức, cá nhân đó chấp nhận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Các trường hợp ngoài quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật hiện hành.

12. Việc xử lý dữ liệu cá nhân tại các đơn vị trong ngành BHXH Việt Nam phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Vận hành hệ thống thông tin và sao lưu CSDL

1. Trung tâm CNTT và các đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, vận hành kỹ thuật hệ thống thông tin, CSDL ngành BHXH Việt Nam,

CSDL quốc gia về Bảo hiểm bảo đảm an toàn, hoạt động thông suốt, ổn định.

2. Các thông tin, dữ liệu lưu giữ trong CSDL ngành BHXH Việt Nam, CSDL quốc gia về Bảo hiểm phải được sao lưu trên các thiết bị lưu trữ định kỳ hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Việc sao lưu CSDL được theo dõi trên Sổ nhật ký sao lưu CSDL theo mẫu Phụ lục 05 của Quy chế này.

3. Thời hạn lưu trữ dữ liệu thực hiện theo quy định của BHXH Việt Nam về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống BHXH Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1556/QĐ-BHXH ngày 25/10/2019 và quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. CSDL ngành BHXH Việt Nam, CSDL quốc gia về Bảo hiểm sau khi được sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết và được bảo mật tại Trung tâm dữ liệu ngành BHXH Việt Nam.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2018; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/05/2024 của Chính phủ Quy định về Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

2. Cấp tài khoản truy cập các hệ thống thông tin, CSDL ngành BHXH Việt Nam, CSDL quốc gia về Bảo hiểm cho người, tổ chức không phải là đối tượng được cấp tài khoản theo quy định của Quy chế này.

3. Tự ý sao chép, cung cấp, tiết lộ thông tin, dữ liệu của ngành BHXH Việt Nam cho cá nhân, tổ chức không có trách nhiệm, thẩm quyền.

4. Tự ý xóa, sửa dữ liệu trên CSDL ngành BHXH Việt Nam, CSDL quốc gia về Bảo hiểm; xóa bỏ, thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam khi chưa được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Điều 7. Tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam

1. CSDL ngành BHXH Việt Nam được thu thập, cập nhật từ các hoạt động nghiệp vụ thông qua hệ thống thông tin; từ việc kết nối và liên thông khai thác từ các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành khác theo quy định hoặc được cập nhật theo kế hoạch của BHXH Việt Nam.

2. CSDL ngành BHXH Việt Nam được xây dựng phù hợp với Khung Kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc chính phủ điện tử ngành BHXH Việt Nam và các quy định nghiệp vụ do BHXH Việt Nam ban hành.

3. CSDL ngành BHXH Việt Nam phải được xây dựng, thiết lập các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin; phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật và của ngành BHXH Việt Nam về an toàn thông tin mạng.

4. Việc tổ chức, quản lý, khai thác dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam được thực hiện trên cơ sở phân quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị chủ quản CSDL thông qua hệ thống thông tin hoặc qua hệ quản trị CSDL. Đối với các thông tin cần khai thác mà chưa xây dựng chức năng trên hệ thống phần mềm, đơn vị chủ quản CSDL có yêu cầu khai thác thông tin phải trình Lãnh đạo ngành BHXH Việt Nam phê duyệt trước khi chuyển đến Trung tâm CNTT hỗ trợ kết xuất thông tin.

5. Các thiết bị dùng để xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng thông tin từ CSDL ngành BHXH Việt Nam phải được cài đặt thường trú giải pháp an toàn thông tin cho thiết bị đầu cuối và đảm bảo yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý, triển khai, vận hành và khai thác hệ thống hạ tầng thông tin trong ngành BHXH Việt Nam.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam

1. Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị chủ trì thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương.

2. Việc quản lý duy trì, tạm ngưng kết nối, chấm dứt kết nối thực hiện theo quy định tại Mục 4, Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Trung tâm CNTT báo cáo, xin ý kiến Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam trước khi triển khai kết nối, chia sẻ; tạm ngưng kết nối; chấm dứt kết nối dữ liệu, CSDL.

3. Việc xây dựng, chỉnh sửa các API kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo quy định về quản lý và phát triển phần mềm.

4. CSDL ngành BHXH Việt Nam được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về CNTT và quy chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

5. Đối với dữ liệu đã sẵn sàng được chia sẻ theo hình thức mặc định, thực hiện theo các quy định chi tiết tại Mục 2, Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

6. Đối với dữ liệu chưa sẵn sàng chia sẻ theo hình thức mặc định, các cơ quan cung cấp và khai thác dữ liệu phối hợp, thống nhất thực hiện chia sẻ theo yêu cầu đặc thù quy định tại Mục 3, Chương III của Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 9. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. CSDL quốc gia về Bảo hiểm được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

2. CSDL quốc gia về Bảo hiểm được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời ngay sau khi các thủ tục hành chính, nghiệp vụ có liên quan đã hoàn thành; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

3. CSDL quốc gia về Bảo hiểm được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

4. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về Bảo hiểm tuân thủ các quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật BHYT, Luật CNTT, Luật Giao dịch điện tử; các quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Đối tượng và phương thức khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. Thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm được thu thập, cập nhật và điều chỉnh theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Đối tượng và cách thức khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về Bảo hiểm theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

3. Trường hợp CSDL quốc gia về Bảo hiểm chưa được xây dựng đầy đủ, BHXH Việt Nam thực hiện thu thập dữ liệu và đưa vào CSDL thuộc danh mục CSDL của ngành BHXH Việt Nam sẵn sàng phục vụ tích hợp vào CSDL quốc gia. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi của CSDL quốc gia về Bảo hiểm được trích xuất tạm thời từ danh mục CSDL của ngành BHXH Việt Nam tuân thủ quy chế này và các quy định của pháp luật đối với CSDL quốc gia và các nguồn dữ liệu khác có liên quan.

Điều 11. Kết nối, chia sẻ dữ liệu, CSDL từ CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa CSDL quốc gia về Bảo hiểm với các CSDL quốc gia khác, các CSDL chuyên ngành, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống thông tin khác được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, trực liên thông văn bản quốc gia; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước; phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

2. Phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng.

3. Trung tâm CNTT là đơn vị được BHXH Việt Nam giao chủ trì thực hiện kết nối để chia sẻ dữ liệu từ CSDL quốc gia về Bảo hiểm; chủ trì cung cấp dữ liệu mở ngành BHXH Việt Nam.

Điều 12. Điều kiện kết nối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. Hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức kết nối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm phải đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 3680/QĐ-BHXH ngày 23/12/2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy định kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Trước khi thực hiện kết nối hoặc sau khi thực hiện kết nối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm mà hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức có sự điều

chỉnh, thay đổi về thiết kế hệ thống thì phải cung cấp cho BHXH Việt Nam các tài liệu liên quan để đánh giá an ninh, an toàn thông tin. Nội dung kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin bao gồm: Việc thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu; Phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống đối với thiết bị hệ thống, máy chủ và ứng dụng; An toàn thông tin cho mã nguồn ứng dụng; An ninh, an toàn phần cứng; Việc ban hành các quy định, chính sách quản lý tài khoản, ra, vào khu vực máy chủ, quản lý mật khẩu các tài khoản quản trị, quản lý truy cập, các văn bản thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể tham gia quản lý, vận hành, cung cấp dịch vụ đối với hệ thống thông tin.

3. Trung tâm CNTT là đơn vị chủ trì xây dựng quy trình, biểu mẫu thực hiện việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin của hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm trước khi kết nối và có văn bản xác nhận việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Quy trình thực hiện kết nối giữa CSDL quốc gia về Bảo hiểm với CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống thông tin có văn bản đề nghị kết nối với CSDL về Bảo hiểm gửi BHXH Việt Nam trong đó hồ sơ đề nghị bao gồm các thông tin chính: Tên đơn vị đăng ký; Tên hệ thống thông tin, CSDL đề nghị được kết nối, chia sẻ; thông tin cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin; số lượng trường thông tin cần chia sẻ; tài liệu mô tả kỹ thuật thành phần hệ thống có kết nối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

2. Khi nhận được văn bản đề nghị, BHXH Việt Nam giao Trung tâm CNTT thực hiện: cung cấp tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm; hỗ trợ các cơ quan, tổ chức thực hiện kết nối, điều chỉnh phần mềm và kiểm thử kỹ thuật các dịch vụ chia sẻ, khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm; thực hiện kiểm tra, đánh giá việc đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối.

Điều 14. Lưu trữ nhật ký kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. BHXH Việt Nam và cơ quan, tổ chức có hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với CSDL quốc gia về Bảo hiểm có trách nhiệm lưu lại nhật ký thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin để phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

2. Thời hạn tối thiểu lưu trữ nhật ký về kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong hệ thống CSDL quốc gia về Bảo hiểm là 02 năm kể từ thời điểm thực hiện việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin.

Điều 15. Xử lý sự cố, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc trong kết nối, chia sẻ, khai thác, thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ quan, tổ chức có hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, thực hiện các dịch vụ khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về Bảo hiểm của cơ quan, đơn vị mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xử lý sự cố, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với CSDL quốc gia về Bảo hiểm thông qua hộp thư qldl.cntt@vss.gov.vn hoặc bằng văn bản đề nghị hỗ trợ, giải quyết vướng mắc.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI KHOẢN, PHÂN QUYỀN NGƯỜI DÙNG

Điều 16. Quản lý tài khoản

1. Tài khoản truy cập các hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam được cấp và phân quyền cho đơn vị, cá nhân theo đúng chức năng và nhiệm vụ được phân công.

2. Các đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản đã được cấp để truy cập vào các hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam theo đúng quy định tại Điều 4, Quyết định số 3735/QĐ-BHXH ngày 29/12/2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy chế quản lý, triển khai, vận hành và khai thác hệ thống hạ tầng thông tin trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Việc sử dụng tài khoản chỉ phục vụ các công vụ của Ngành theo nhiệm vụ được giao, không dùng cho mục đích khác.

Điều 17. Quy định phân quyền

1. Trung tâm CNTT là đơn vị thực hiện việc cấp, hủy, khóa, thay đổi tài khoản quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương thuộc các đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương, các tài khoản quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh, tài khoản thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ. Khi có đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi, bổ sung quyền của tài khoản truy cập hệ thống các đơn vị trên lập danh sách gửi Trung tâm CNTT theo mẫu Phụ lục 02 của Quy chế này.

2. Đầu mối phụ trách CNTT tại BHXH tỉnh có trách nhiệm thực hiện cấp, hủy, khóa, thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin theo phân cấp quản lý.

3. Đầu mối chủ quản CSDL cấp tỉnh của hệ thống thông tin thực hiện cấp/thu hồi/thay đổi tài khoản quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh; phân quyền sử dụng chức năng trên hệ thống thông tin cho các tài khoản thuộc đơn vị mình theo phân cấp quản lý.

4. Thời gian thực hiện cấp/thu hồi/thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin, quyền sử dụng chức năng trên hệ thống thông tin cho người sử dụng không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp mới/thu hồi/thay đổi quyền của các đơn vị.

5. Trường hợp người sử dụng thay đổi vai trò, vị trí việc làm trong một cơ quan BHXH hoặc luân chuyển giữa các cơ quan BHXH: Ngay khi thời điểm quyết định điều động công việc có hiệu lực, Lãnh đạo đơn vị cũ có văn bản đề nghị thu hồi/thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin của tài khoản gửi BHXH Việt Nam (qua Trung tâm CNTT) hoặc đầu mối phụ trách CNTT tại BHXH tỉnh theo phân cấp để thực hiện việc thu hồi, thay đổi quyền truy cập. Sau khi thu hồi quyền truy cập, việc cấp mới/thay đổi quyền truy cập được thực hiện theo quy định về cấp mới quyền truy cập trong Quy chế này.

Điều 18. Quy định cấp/thu hồi tài khoản, quyền đăng nhập

1. Đối với các quyền Quản trị

1.1. Quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương: Căn cứ nhu cầu về cấp/thu hồi quyền Quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương, Trung tâm CNTT tổng hợp danh sách cá nhân được cấp/thu hồi theo mẫu tại Phụ lục 02 của Quy chế này trình Lãnh đạo BHXH Việt Nam phê duyệt trước khi thực hiện việc cấp/thu hồi quyền trên hệ thống thông tin.

1.2. Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh: BHXH các tỉnh lập danh sách cấp/thu hồi/thay đổi quyền quản trị theo mẫu tại Phụ lục 02 của Quy chế này gửi về BHXH Việt Nam (qua Trung tâm CNTT). Trung tâm CNTT tổng hợp trình Lãnh đạo BHXH Việt Nam phê duyệt cấp/thu hồi quyền quản trị hệ thống thông tin và thông báo cho đơn vị quản lý người được cấp/thu hồi quản trị theo mẫu tại Phụ lục 03 của Quy chế này.

1.3. Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp Trung ương: Căn cứ nhu cầu về cấp/thu hồi quyền Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp Trung ương, Đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương tổng hợp danh sách cá nhân được cấp/thu hồi trình Lãnh đạo BHXH Việt Nam phê duyệt và giao Trung tâm CNTT thực hiện việc cấp/thu hồi quyền trên hệ thống thông tin.

1.4. Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp cấp tỉnh: BHXH các tỉnh lập danh sách cấp/thu hồi/thay đổi quyền quản trị theo mẫu tại Phụ lục 02 của Quy chế này gửi về BHXH Việt Nam (qua Đơn vị chủ quản CSDL). Đơn vị chủ quản CSDL tổng hợp trình Lãnh đạo BHXH Việt Nam phê duyệt cấp/thu hồi quyền quản trị; thực hiện việc cấp/thu hồi quyền trên hệ thống thông tin và thông báo cho BHXH tỉnh theo mẫu tại Phụ lục 03 của Quy chế này.

2. Đối với quyền truy cập hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam

2.1. Căn cứ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn; phân công công việc, đơn vị thuộc BHXH Việt Nam lập danh sách đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi, bổ sung quyền của tài khoản truy cập hệ thống gửi Trung tâm CNTT và đơn vị chủ quản CSDL theo mẫu Phụ lục 02 của Quy chế này.

2.2. Trung tâm CNTT tổng hợp danh sách quyền truy cập hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam trình Lãnh đạo BHXH Việt Nam phê duyệt trước khi giao cho Quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương thực hiện cấp/thu hồi/thay đổi quyền truy cập đến hệ thống thông tin và thông báo cho đơn vị quản lý người được cấp/thu hồi quyền truy cập theo mẫu tại Phụ lục 03 của Quy chế này, đồng thời thông báo cho Đơn vị chủ quản CSDL (trường hợp đề xuất quyền truy cập hệ thống thông tin tại Trung ương).

2.3. Sau khi nhận danh sách đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi, bổ sung quyền của tài khoản truy cập hệ thống theo Phụ lục 02 và thông báo theo mẫu Phụ lục 03 do Trung tâm CNTT gửi (nếu có), Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp Trung ương báo cáo thực hiện phân quyền hoặc báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ quản CSDL về việc từ chối và lý do từ chối phân quyền, lập thông báo theo mẫu tại Phụ lục 03 gửi đơn vị thuộc BHXH Việt Nam và Trung tâm CNTT.

3. Đối với quyền truy cập hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc BHXH tỉnh

3.1. Căn cứ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn; phân công công việc, các phòng, BHXH các huyện lập danh sách đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi, bổ sung quyền của tài khoản truy cập hệ thống thông tin gửi BHXH tỉnh theo mẫu Phụ lục 02 của Quy chế này.

3.2. Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh tổng hợp danh sách đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi tài khoản truy cập hệ thống thông tin của các phòng, BHXH các huyện trình Giám đốc BHXH tỉnh gửi Trung tâm CNTT theo mẫu Phụ lục 02 của Quy chế này đối với những thay đổi thuộc phạm vi quy định tại Điều 17, Trung tâm CNTT thực hiện tương tự điểm 2.2, khoản 2 Điều này; Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh thực hiện thay đổi thông tin, thay đổi quyền truy cập đến các hệ thống thông tin và trình Giám đốc BHXH tỉnh thông báo cho đơn vị quản lý người được cấp/thu hồi quyền truy cập theo mẫu tại Phụ lục 03 của Quy chế này đối với những thay đổi thuộc phạm vi tại Điều 17, đồng thời thông báo cho Đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh (nếu có đề xuất phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu đến hệ thống thông tin do đơn vị chủ quản quản lý).

3.3. Sau khi nhận danh sách đề nghị cấp, khóa, thu hồi hoặc thay đổi, bổ sung quyền của tài khoản truy cập hệ thống theo Phụ lục 02 và thông báo theo mẫu Phụ lục 03 do Trung tâm CNTT, BHXH tỉnh gửi (nếu có); Quản trị phân

quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh về việc đã thực hiện phân quyền hoặc từ chối phân quyền, lý do từ chối phân quyền, lập thông báo theo mẫu tại Phụ lục 03 gửi các phòng, BHHH các huyện đã đề nghị.

Điều 19. Quy định thay đổi nhóm người sử dụng

1. Một người sử dụng có thể thuộc một hoặc nhiều nhóm người sử dụng được định nghĩa trên hệ thống tùy theo nhiệm vụ được phân công. Việc thay đổi nhóm người sử dụng trên hệ thống thông tin được thực hiện trong trường hợp người sử dụng thay đổi vai trò công việc trong cơ quan BHHH.

2. Quy định thay đổi nhóm người sử dụng được thực hiện theo quy trình thu hồi các quyền thuộc nhóm người sử dụng cũ sau đó cấp mới các quyền thuộc nhóm người sử dụng mới.

Điều 20. Các trường hợp bị khóa tài khoản

1. Cá nhân đang nghỉ thai sản, nghỉ ốm dài ngày, nghỉ không lương, thôi việc.

2. Cá nhân được cấp tài khoản chuyển công tác sang lĩnh vực khác.

3. Cá nhân vi phạm các nội quy, quy định về việc sử dụng tài khoản.

4. Trong trường hợp phát hiện việc sử dụng tài khoản không đúng mục đích hoặc vi phạm quy định sử dụng; Trung tâm CNTT sẽ chủ động khóa tài khoản vi phạm; đồng thời gửi thông báo về đơn vị trực thuộc BHHH Việt Nam, cơ quan BHHH cấp tỉnh, cơ quan BHHH cấp huyện có trách nhiệm quản lý tài khoản đó để phối hợp rà soát, kiểm tra, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, đảm bảo an toàn thông tin.

5. Trường hợp nghi ngờ hoặc phát hiện nguy cơ mất an toàn: Trong mọi trường hợp, khi nghi ngờ hoặc phát hiện nguy cơ mất an toàn từ phía người sử dụng, người phát hiện phải thông báo ngay cho Lãnh đạo đơn vị để chỉ đạo, kiểm tra và thông báo cho Trung tâm CNTT và đơn vị chủ quản CSDL để kịp thời thu hồi quyền truy cập.

Chương V

BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 21. Dữ liệu cá nhân được xử lý tại BHHH Việt Nam

1. Dữ liệu cá nhân phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BHHH Việt Nam và của pháp luật khác có quy định cụ thể về trách nhiệm, nhiệm vụ của BHHH Việt Nam.

2. Dữ liệu cá nhân của công chức, viên chức và lao động hợp đồng làm việc tại BHHH Việt Nam theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức, thi đua, khen thưởng và pháp luật khác có liên quan.

3. Thông tin về tài khoản số của cá nhân và dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên các hệ thống thông tin do BHXH Việt Nam, đơn vị thuộc BHXH Việt Nam làm chủ quản theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.

4. Dữ liệu cá nhân khác phát sinh trong hoạt động quản lý, thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam không thuộc quy định tại khoản 1, 2, 3 của Điều này.

Điều 22. Xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu

1. Xử lý dữ liệu cá nhân thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 21 của Quy chế này theo quy định tại khoản 5, Điều 17 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 23. Xử lý dữ liệu cá nhân phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu

Việc xử lý dữ liệu cá nhân ngoài quy định tại Điều 22 của Quy chế này phải được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 24. Xác định vai trò theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. BHXH Việt Nam là Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân đối với các dữ liệu nêu tại Điều 21.

2. Các đơn vị có ký hợp đồng triển khai các hoạt động CNTT với BHXH Việt Nam hoặc các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện (các đơn vị cung cấp dịch vụ I-VAN, các tổ chức dịch vụ thu) khi triển khai các hoạt động có liên quan đến thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân thuộc quyền kiểm soát của BHXH Việt Nam chủ động xác định các vai trò Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên xử lý dữ liệu cá nhân (nếu có) để áp dụng các quy định tương ứng của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của Quy chế này.

Điều 25. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân bên ngoài hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân

1. Dữ liệu cá nhân phải được xử lý trong phạm vi quy định của pháp luật. Cá nhân, đơn vị thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm:

1.1. Xác định căn cứ pháp luật cho việc xử lý dữ liệu cá nhân (Điều, Khoản của văn bản quy phạm pháp luật quy định mục đích và phạm vi dữ liệu cá nhân được phép xử lý).

1.2. Trường hợp được yêu cầu tiếp nhận, xử lý dữ liệu cá nhân nằm ngoài phạm vi quy định của pháp luật, cần làm rõ căn cứ thực hiện với bên yêu cầu xử lý dữ liệu và có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu trước khi thực hiện.

2. Công chức, viên chức, lao động hợp đồng được phân công xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm:

2.1. Không cung cấp, chia sẻ dữ liệu cá nhân đã thu thập cho tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi phải cung cấp theo quy định của pháp luật.

2.2. Sử dụng máy tính đáp ứng yêu cầu về an toàn an ninh mạng: cài đặt phần mềm phòng, diệt mã độc; xử lý lỗ hổng bảo mật (nếu có) và được kiểm tra an ninh mạng.

2.3. Áp dụng mã hóa tệp dữ liệu khi thực hiện trao đổi dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng hoặc mang dữ liệu cá nhân ra khỏi cơ quan bằng thiết bị, phương tiện điện tử (trừ dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước). Không sử dụng mạng xã hội để trao đổi dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.

2.4. Kiểm soát chặt các phiên bản bản điện tử, bản in chứa dữ liệu cá nhân; giới hạn truy cập tới dữ liệu cá nhân trong phạm vi các cá nhân có trách nhiệm tham gia kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân; xóa, hủy dữ liệu cá nhân đã được lưu giữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ; xóa không thể khôi phục được hoặc hủy các thiết bị chứa dữ liệu cá nhân khi không còn tiếp tục sử dụng. Việc thu hồi, xóa, hủy dữ liệu tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu và phải được theo dõi, ghi nhật ký đầy đủ.

Điều 26. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân

1. Đơn vị tham gia sử dụng hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm xác định chính xác các cá nhân được phép truy cập hệ thống thông tin để xử lý dữ liệu cá nhân; gửi đề nghị thay đổi, thu hồi tài khoản truy cập hệ thống thông tin tới đơn vị vận hành hệ thống thông tin ngay sau khi có sự thay đổi phân công về xử lý dữ liệu cá nhân tại đơn vị.

2. Cá nhân được cấp tài khoản truy cập hệ thống thông tin để xử lý dữ liệu cá nhân trên hệ thống có trách nhiệm:

2.1. Giữ bí mật mật khẩu và bảo vệ các phương tiện xác thực khác (nếu có) để truy cập hệ thống thông tin.

2.2. Không thực hiện các hoạt động xử lý hoặc khai thác dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin ngoài phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ được phân công.

2.3. Khi không còn được phân công xử lý dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin, yêu cầu đơn vị quản lý thực hiện thay đổi, thu hồi tài khoản; có trách nhiệm

bàn giao tài khoản cho người tiếp nhận công việc này theo phân công của đơn vị quản lý.

Điều 27. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân

1. Đối với các hệ thống thông tin xử lý dữ liệu cá nhân (được xây dựng, nâng cấp sau thời điểm Quy chế này có hiệu lực), phải nêu rõ căn cứ pháp luật của việc xử lý thông tin tại thuyết minh chủ trương đầu tư, dự án, kế hoạch thuê dịch vụ.

2. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, bảo vệ an ninh mạng; quy định tại Quy chế đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngành BHXH Việt Nam.

3. Có tính năng ghi và lưu trữ nhật ký hệ thống quá trình xử lý dữ liệu cá nhân; khuyến khích hiển thị trên giao diện người dùng căn cứ pháp luật của việc xử lý dữ liệu cá nhân.

4. Không xử lý dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin thử nghiệm (sử dụng thông tin giả lập, mô phỏng dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin thử nghiệm nếu cần thiết).

5. Kiểm tra, đánh giá tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đồng thời với việc kiểm tra đánh giá an toàn an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.

6. Thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân trên hệ thống thông tin khi kết thúc sử dụng hệ thống thông tin tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về dữ liệu và phải được theo dõi, ghi nhật ký đầy đủ.

Điều 28. Thông báo trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Trường hợp công chức, viên chức, lao động hợp đồng (sau đây gọi chung là cá nhân) làm việc tại các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân:

1.1. Cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, đơn vị trực tiếp quản lý cá nhân có hành vi vi phạm phối hợp với Trung tâm CNTT đánh giá, xác định mức độ vi phạm và báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét.

1.2. Cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị trực thuộc, thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý cá nhân có trách nhiệm xác định mức độ vi phạm và quyết định biện pháp xử lý phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân do các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của BHXH Việt Nam thực hiện:

2.1. Nếu hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý của BHXH Việt Nam, Đơn vị chủ quản CSDL phối hợp với Trung tâm CNTT báo cáo BHXH Việt Nam phương án xử lý theo quy định của pháp luật.

2.2. Nếu hành vi vi phạm thuộc các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Đơn vị chủ quản CSDL, Đơn vị chủ quản CSDL có trách nhiệm đánh giá, xác định mức độ vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc thông báo hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho Bộ Công an thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân

1. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

1.1. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài (nếu có);

1.2. Trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân; công văn gửi hồ sơ cho Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao);

1.3. Lưu giữ 01 bản hồ sơ, sẵn sàng phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Bộ Công an;

1.4. Phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật hồ sơ trong vòng 10 ngày sau khi Bộ Công an có ý kiến yêu cầu hoàn thiện hồ sơ; trong vòng 60 ngày khi có sự thay đổi về nội dung hồ sơ đã gửi Bộ Công an.

2. Trường hợp Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân là đơn vị thuộc BHXH Việt Nam, đơn vị có trách nhiệm:

2.1. Tổ chức xây dựng, ban hành quyết định phê duyệt Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài (nếu có);

2.2. Gửi hồ sơ cho Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao), đồng thời gửi bản điện tử của hồ sơ cho Trung tâm CNTT để phục vụ công tác quản lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

2.3. Lưu giữ 01 bản hồ sơ, sẵn sàng phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Bộ Công an và của BHXH Việt Nam;

2.4. Cập nhật hồ sơ trong vòng 10 ngày sau khi Bộ Công an có ý kiến yêu cầu hoàn thiện hồ sơ; trong vòng 60 ngày khi có sự thay đổi về nội dung hồ sơ đã

gửi Bộ Công an.

3. Đơn vị thuộc BHXH Việt Nam khi ký thỏa thuận, hợp đồng với tổ chức, cá nhân về việc xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm yêu cầu Bên xử lý dữ liệu cá nhân cung cấp cho Trung tâm CNTT 01 bản Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân do Bên xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện. Trung tâm CNTT sử dụng các hồ sơ này để giám sát chung về công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân tại ngành BHXH Việt Nam.

4. Việc lập, cập nhật, lưu giữ, gửi Bộ Công an Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH BHXH VIỆT NAM, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam

1. Mỗi CSDL thuộc danh mục CSDL của BHXH Việt Nam được giao trách nhiệm cho một đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam làm chủ quản quản lý, cập nhật, tổ chức khai thác, sử dụng, chia sẻ CSDL tại cấp Trung ương.

2. Đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và đề nghị Trung tâm CNTT cấp/khóa/thu hồi tài khoản truy cập trên hệ thống IAM, quyền truy cập vào hệ thống thông tin của người sử dụng thuộc đơn vị, cấp/khóa/thu hồi tài khoản Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu; chỉ đạo quản lý phân quyền truy cập cấp Trung ương; thực hiện thay đổi quyền truy cập chức năng hệ thống thông tin của người sử dụng thuộc đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và phân công công việc.

3. Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn dữ liệu, đảm bảo công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân trong việc tổ chức quản lý khai thác, sử dụng dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Triển khai đầy đủ quy định tại các văn bản chỉ đạo của BHXH Việt Nam và hướng dẫn của Trung tâm CNTT về tổ chức, quản lý, khai thác dữ liệu, CSDL của CSDL ngành BHXH Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam

trên các hệ thống thông tin.

5. Nghiên cứu, rà soát và tổng hợp nhu cầu thông tin, phạm vi dữ liệu cần thu thập, trao đổi, chia sẻ bên trong và ngoài ngành BHXH Việt Nam để đề nghị Trung tâm CNTT cập nhật, bổ sung đảm bảo CSDL có đầy đủ thông tin phục vụ yêu cầu quản lý; các yêu cầu thay đổi trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam giao Trung tâm CNTT nâng cấp, bổ sung.

6. Tổ chức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

6.1. Tiếp nhận, xử lý hoặc trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam phê duyệt đối với các yêu cầu khai thác thông tin, dữ liệu (thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao) khi có đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước khác hoặc của công dân; phối hợp với Trung tâm CNTT giải thích, hướng dẫn, thống nhất các chỉ tiêu thống kê; kiểm tra, xác nhận kết quả thống kê dữ liệu theo các yêu cầu khai thác CSDL phức tạp, chưa xây dựng chức năng hoặc không thể khai thác thông qua hệ thống thông tin.

6.2. Phối hợp với Trung tâm CNTT rà soát, đối chiếu dữ liệu giữa CSDL mà đơn vị được giao chủ quản với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

6.3. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất về tình hình tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam; báo cáo về bảo vệ dữ liệu cá nhân khi có yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền gửi Trung tâm CNTT để tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

7. Phối hợp với Trung tâm CNTT và các đơn vị có liên quan triển khai và vận hành hệ thống thông tin.

8. Chỉ đạo BHXH tỉnh cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu đầy đủ, kịp thời vào hệ thống thông tin và chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, dữ liệu đơn vị mình quản lý, cung cấp.

9. Đóng vai trò Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện các trách nhiệm tương ứng quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định tại Quy chế này.

10. Rà soát, bổ sung trong các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu tương tác với cá nhân để đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của chủ thể dữ liệu theo các quy định của nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

11. Hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

12. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại đơn vị và các đơn vị trực

thuộc; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức thuộc đơn vị và các đối tượng thuộc lĩnh vực được giao quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

13. Phân công nhân sự thuộc đơn vị phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của đơn vị; bảo đảm các hệ thống thông tin do đơn vị làm chủ quản hoặc được ủy quyền thực hiện trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin đáp ứng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 31. Trách nhiệm của Trung tâm CNTT

1. Là đơn vị chuyên trách tham mưu giúp Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu, CSDL từ các CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL quốc gia về Bảo hiểm; quản lý, triển khai công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân của BHXH Việt Nam; thực hiện các yêu cầu cung cấp, thống kê số liệu khi được sự cho phép của Lãnh đạo ngành BHXH Việt Nam.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện triển khai, thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong phạm vi quản lý của BHXH Việt Nam; Báo cáo BHXH Việt Nam sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết để đảm bảo sự phù hợp của Quy chế với các quy định, tiêu chuẩn liên quan và thực tế áp dụng.

3. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân liên quan về quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý tài khoản truy cập CSDL tại Trung tâm dữ liệu Ngành.

5. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL quốc gia về Bảo hiểm đảm bảo hoạt động ổn định thường xuyên, liên tục, bảo mật và an toàn dữ liệu, an toàn hệ thống thông tin, hệ thống hạ tầng thông tin ngành BHXH Việt Nam.

6. Đảm bảo các hệ thống thông tin do BHXH Việt Nam làm chủ quản đáp ứng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; hoàn thiện hệ thống thông tin để đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đề xuất của đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương.

7. Tiếp nhận và xử lý các đề nghị cấp/khóa/thu hồi tài khoản truy cập trên hệ thống IAM.

8. Tiếp nhận, cấp tài khoản cho người dùng truy cập vào CSDL ngành

BHXXH Việt Nam để phục vụ khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm khi được Tổng Giám đốc BHXXH Việt Nam cho phép. Bao gồm:

8.1. Tài khoản cấp cho cá nhân thuộc các đơn vị trực thuộc BHXXH Việt Nam như: Thanh tra BHXXH Việt Nam; Vụ Tài chính – Kế toán; Vụ Kiểm toán nội bộ; Ban Quản lý Thu – Sở, Thẻ; Ban Thực hiện chính sách BHXXH; Ban Thực hiện chính sách BHYT; BHXXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW để phục vụ kế hoạch kiểm tra hằng năm hoặc phục vụ thanh tra, kiểm toán chuyên đề, đột xuất.

8.2. Tài khoản cấp cho các cá nhân ngoài ngành BHXXH Việt Nam truy cập vào hệ thống để khai thác CSDL phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới hoặc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra theo các quyết định thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra đối với BHXXH Việt Nam. Việc triển khai phải thực hiện các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin theo quy định.

9. Thu hồi quyền truy cập vào các CSDL ngành BHXXH Việt Nam của các tài khoản cấp cho người dùng tại điểm 8.2, khoản 8 Điều này khi kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam và BHXXH các tỉnh, thành phố hoàn thành hoặc kết thúc nội dung nghiên cứu, thử nghiệm.

10. Cung cấp, khai thác và chia sẻ dữ liệu từ CSDL ngành BHXXH Việt Nam cho các đơn vị trong ngành BHXXH Việt Nam để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ theo yêu cầu, kế hoạch của BHXXH Việt Nam và cho các cơ quan, đơn vị khác khi có sự đồng ý của Tổng Giám đốc BHXXH Việt Nam.

11. Định kỳ 6 tháng, thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, khai thác, sử dụng CSDL ngành BHXXH Việt Nam của các đơn vị, cá nhân trong Ngành và đơn vị cung cấp dịch vụ.

12. Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị Tổng Giám đốc BHXXH Việt Nam xử lý các vi phạm Quy chế này và các quy định khác liên quan của pháp luật hiện hành.

13. Quản lý việc sao lưu dữ liệu định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng; kiểm tra việc sao lưu, lưu trữ CSDL ngành BHXXH Việt Nam.

14. Thực hiện quản trị, vận hành, theo dõi, giám sát để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, an toàn, an ninh thông tin; chủ động thông báo với các đơn vị liên quan về tình trạng và tiến độ khắc phục khi có sự cố kỹ thuật xảy ra; chủ động rà soát, phát hiện và cập nhật các lỗi trong quá trình vận hành; hỗ trợ kỹ thuật và sự cố phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống.

15. Nâng cấp, chỉnh sửa, mở rộng và phát triển hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXXH Việt Nam khi có sự thay đổi về chế độ chính sách, quy trình và theo yêu cầu từ các đơn vị chủ quản CSDL ngành BHXXH Việt Nam. Việc nâng cấp,

chỉnh sửa, mở rộng và phát triển tuân thủ Quy định về quản lý hoạt động Công nghệ thông tin trong hệ thống BHXH Việt Nam; quy định về quản lý, phát triển, vận hành các hệ thống thông tin.

16. Phối hợp với các đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương trong việc xác định các loại dữ liệu cần cung cấp khi kết nối đến các Bộ, ngành liên quan và Văn phòng Chính phủ.

17. Hỗ trợ kết xuất dữ liệu, xây dựng các báo cáo thống kê, báo cáo phân tích, dự báo trên CSDL phục vụ cho công tác quản lý của các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam trên hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

18. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam tổ chức kiểm tra, rà soát, đối chiếu và chuẩn bị số liệu để phục vụ các cuộc họp giao ban trực tuyến của cơ quan BHXH và của ngành BHXH Việt Nam trên hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung ngành BHXH Việt Nam.

19. Ban hành quy định về quản lý, phát triển, vận hành các hệ thống thông tin phù hợp quy định này.

20. Trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ quản CSDL, tham mưu trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy định khai thác, sử dụng, phân quyền sử dụng của người dùng cuối đối với từng hệ thống thông tin.

21. Tổng hợp kế hoạch, báo cáo về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam gửi các cơ quan quản lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn an ninh mạng.

Điều 32. Trách nhiệm của BHXH tỉnh

1. Cập nhật, khai thác, kết xuất, sử dụng thông tin từ các hệ thống thông tin, CSDL theo phân cấp quản lý.

2. Quản lý, theo dõi, tiếp nhận và xử lý đề nghị cấp mới, thu hồi, thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin đối với người sử dụng/nhóm người do mình quản lý; hỗ trợ khắc phục, xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam.

3. Mỗi CSDL thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh được giao trách nhiệm cho một đơn vị thuộc BHXH tỉnh làm chủ quản CSDL cấp tỉnh quản lý và khai thác để phục vụ yêu cầu công việc chuyên môn của BHXH tỉnh. Đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh có trách nhiệm:

3.1. Quản lý, phân quyền người dùng sử dụng hệ thống thông tin do mình làm chủ quản CSDL theo tài khoản được cấp trên IAM sau khi được Giám đốc BHXH tỉnh phê duyệt.

3.2. Chỉ đạo BHXH huyện và cá nhân đang công tác tại đơn vị cung cấp,

cập nhật đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, dữ liệu; chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, dữ liệu theo phân cấp quản lý thuộc quy trình nghiệp vụ do BHXH Việt Nam ban hành tại hệ thống thông tin tương ứng của ngành BHXH Việt Nam.

4. Trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh, ban hành các quy trình, quy định để quản lý tài khoản; quản lý truy cập vào hệ thống thông tin; quản lý cập nhật, khai thác, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu ngành BHXH Việt Nam; quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại BHXH tỉnh, BHXH huyện phù hợp với quy định của pháp luật và của ngành BHXH Việt Nam; có cơ chế kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm (nếu có).

5. Tổ chức vận hành, giám sát và sử dụng hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam trên địa bàn bảo đảm an toàn, chính xác, đúng quy định; quản lý người sử dụng theo trách nhiệm được nêu tại Quy chế này.

6. Giám đốc BHXH tỉnh là người chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn dữ liệu, đảm bảo công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân trong việc tổ chức quản lý khai thác, sử dụng dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Hàng tháng (trước ngày 5), BHXH tỉnh tổ chức kiểm tra đối chiếu việc cấp, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập hệ thống thông tin:

7.1. Căn cứ Quyết định phân công, thay đổi công việc trong tháng do bộ phận tổ chức cán bộ cung cấp, văn bản chỉ đạo về việc cấp, phân quyền truy cập của lãnh đạo BHXH tỉnh.

7.2. Căn cứ Danh sách tổng cấp, thu hồi, thay đổi quyền Quản trị, quyền truy cập hệ thống thông tin đối với người sử dụng trên hệ thống IAM do Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh cung cấp.

7.3. Căn cứ phân quyền truy cập vào hệ thống thông tin do Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh cung cấp.

7.4. BHXH tỉnh tổ chức rà soát, đối chiếu và lập bảng tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục 04 của Quy chế này. Lưu trữ toàn bộ hồ sơ phục vụ việc kiểm tra định kỳ của BHXH Việt Nam và của cơ quan chức năng khi có yêu cầu. Khi phát hiện việc cấp, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập không đúng quy định thì báo cáo ngay về Trung tâm CNTT để tạm dừng hoạt động của tài khoản trong thời gian xác minh, làm rõ.

8. Hàng quý (trước ngày 10 của tháng đầu quý sau), sau khi tổ chức kiểm tra đối chiếu việc cấp, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập. BHXH tỉnh báo

cáo BHXH Việt Nam (qua Trung tâm CNTT) theo mẫu tại Phụ lục 04 của Quy chế này.

9. Tổ chức triển khai đầy đủ quy định tại các văn bản hướng dẫn của BHXH Việt Nam về tổ chức, quản lý, khai thác dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam trên các hệ thống thông tin.

10. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, lao động hợp đồng tại BHXH tỉnh, BHXH huyện các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

11. Báo cáo về bảo vệ dữ liệu cá nhân khi có yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền và gửi Trung tâm CNTT tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

12. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình vận hành hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam trên địa bàn.

Điều 33. Trách nhiệm của BHXH huyện

1. Cập nhật, khai thác, kết xuất thông tin từ các hệ thống thông tin theo phân cấp của BHXH tỉnh.

2. Tổ chức vận hành, giám sát và sử dụng hệ thống thông tin ngành BHXH Việt Nam trên địa bàn bảo đảm an toàn, chính xác, đúng quy định; Quản lý người sử dụng theo trách nhiệm được nêu tại Quy chế này.

3. Quản lý, theo dõi, đề nghị quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh và quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh cấp mới, thu hồi, thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin đối với người sử dụng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Hàng tháng (trước ngày 25 của tháng), tổng hợp, báo cáo BHXH tỉnh tình hình đề nghị cấp phát, thu hồi, thay đổi quyền truy cập hệ thống thông tin đối với người sử dụng tại BHXH huyện theo mẫu tại Phụ lục 04 của Quy chế này.

5. Cập nhật kịp thời, khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu theo phân cấp quản lý thuộc quy trình nghiệp vụ do BHXH Việt Nam ban hành tại hệ thống thông tin tương ứng ngành BHXH Việt Nam.

6. Tổ chức triển khai đầy đủ các quy định tại các văn bản hướng dẫn của BHXH Việt Nam về việc khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin, các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình vận hành hệ thống thông tin, CSDL ngành BHXH Việt Nam thuộc phạm vi quản lý.

Điều 34. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Tham gia xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt

Nam theo các hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký với cơ quan BHXH và phải được sự đồng ý của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Xây dựng, ban hành các quy trình, quy chế, quy định nội bộ trong công tác xây dựng, quản trị, vận hành, khai thác, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nâng cấp hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, tập thể được giao nhiệm vụ thực hiện công việc theo các hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký với cơ quan BHXH; cam kết của tập thể, cá nhân tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của ngành BHXH Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ được giao, kịp thời đề nghị Trung tâm CNTT thay đổi, hủy, khóa quyền truy cập đối với các cá nhân trong đơn vị khi có sự thay đổi vị trí công việc, nghỉ dài ngày, thôi việc, chuyển công tác.

3. Đối với đơn vị ký thỏa thuận với BHXH Việt Nam là Bên Xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định tại Điều 39 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 35. Trách nhiệm của Người sử dụng

1. Bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập được cấp. Không chia sẻ, cho người khác mượn thông tin tài khoản để truy cập vào hệ thống thông tin và CSDL ngành BHXH Việt Nam.

2. Không sử dụng các công cụ, ứng dụng không do BHXH Việt Nam trang bị hoặc có quyết định triển khai để truy cập hệ thống thông tin, CSDL ngành BHXH Việt Nam.

3. Tuân thủ các chính sách, quy định về bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin bao gồm việc sử dụng mật khẩu mạnh, thay đổi mật khẩu định kỳ và bảo mật thông tin cá nhân theo quy định của ngành BHXH Việt Nam.

4. Quản lý và khai thác dữ liệu đúng mục đích, không truy cập, sao chép, hoặc chia sẻ dữ liệu khi chưa có sự cho phép của người có thẩm quyền.

5. Kịp thời phát hiện và báo cáo cho bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc quản trị dữ liệu, quản trị hệ thống các sự cố an ninh, truy cập trái phép, mất dữ liệu, hoặc phát hiện lỗ hổng bảo mật gây mất an toàn thông tin cho hệ thống.

6. Sử dụng quyền truy cập hệ thống thông tin, CSDL đúng mục đích, trong phạm vi cho phép. Không sử dụng quyền truy cập hệ thống thông tin, CSDL không liên quan hoặc không thuộc thẩm quyền để thực hiện các hành động bất hợp pháp.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của Quy chế này.

8. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu đối với dữ liệu cá nhân của bản thân theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

9. Thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; Khi phát hiện dữ liệu cá nhân có rủi ro bị lộ hoặc không được bảo vệ theo quy định, yêu cầu đơn vị quản lý, xử lý dữ liệu cá nhân có biện pháp bảo vệ dữ liệu phù hợp, theo đúng quy định.

10. Thông báo các trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân cho thủ trưởng đơn vị; chịu trách nhiệm trước pháp luật và BHXH Việt Nam về các vi phạm, thất thoát dữ liệu cá nhân do không tuân thủ quy chế, quy định của pháp luật và của ngành BHXH Việt Nam.

11. Tham gia vào các khóa đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn, bảo mật thông tin và quản lý dữ liệu do BHXH Việt Nam tổ chức để nắm rõ các quy định và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 36. Trách nhiệm của Quản trị tài khoản truy cập cấp Trung ương

1. Quản lý, thiết lập giá trị các tham số liên quan đến kỹ thuật trên hệ thống thông tin.

2. Thực hiện cấp phát, thu hồi, thay đổi các quyền Quản lý tài khoản truy cập cấp tỉnh, quyền truy cập đến hệ thống thông tin của người dùng đang công tác tại BHXH Việt Nam và các cá nhân ngoài ngành BHXH Việt Nam khi được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam cho phép.

3. Thực hiện tạo các nhóm người sử dụng dùng chung cho toàn quốc và phân quyền chi tiết cho các nhóm người sử dụng trên hệ thống thông tin theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được giao.

4. Thực hiện quản lý các tiến trình đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống nguồn; xử lý các dữ liệu bị lỗi sau chuẩn hóa.

5. Phối hợp việc tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa hệ thống thông tin của ngành BHXH Việt Nam với các hệ thống của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

6. Chủ trì hỗ trợ người sử dụng, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các sự cố trong quá trình vận hành hệ thống thông tin.

Điều 37. Trách nhiệm của Quản trị tài khoản truy cập cấp tỉnh

1. Quản lý, thực hiện cấp phát, thu hồi, thay đổi quyền truy cập vào hệ thống thông tin của người sử dụng theo quyết định của Lãnh đạo BHXH tỉnh.

2. Giám sát, hỗ trợ người sử dụng hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các sự cố trong quá trình vận hành hệ thống thông tin.

Điều 38. Trách nhiệm của Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp Trung ương

1. Quản trị, phân quyền chức năng, phạm vi và các tham số trong hệ thống thông tin cho người sử dụng đang công tác tại các đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương truy cập đến thông tin, dữ liệu sau khi có sự đồng ý của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Quản lý, tham mưu cho thủ trưởng đơn vị chủ quản CSDL cấp Trung ương đề nghị Trung tâm CNTT cấp/khóa/thu hồi tài khoản truy cập trên hệ thống IAM, quyền truy cập vào hệ thống thông tin, dữ liệu của người sử dụng thuộc đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và phân công công việc.

Điều 39. Trách nhiệm của Quản trị phân quyền truy cập thông tin, dữ liệu cấp tỉnh

1. Quản trị, phân quyền chức năng, phạm vi và các tham số trong hệ thống thông tin cho người sử dụng đang công tác tại các phòng thuộc BHXH tỉnh được giao chủ quản CSDL cấp cấp tỉnh hoặc công tác tại các tổ nghiệp vụ thuộc BHXH cấp huyện truy cập đến thông tin, dữ liệu khi có sự đồng ý của Giám đốc BHXH tỉnh, Giám đốc BHXH huyện.

2. Quản lý, tham mưu cho thủ trưởng đơn vị chủ quản CSDL cấp tỉnh đề nghị Trung tâm CNTT cấp/khóa/thu hồi tài khoản truy cập trên hệ thống IAM, quyền truy cập vào hệ thống thông tin, dữ liệu của người sử dụng thuộc đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và phân công công việc.

Điều 40. Trách nhiệm của Quản trị CSDL

1. Quản lý cấu hình, thiết lập, đề xuất tinh chỉnh giá trị các tham số liên quan đến kỹ thuật (tham số cấu hình hệ quản trị CSDL, tham số thiết kế hệ thống CSDL, tối ưu hóa hệ thống, tối ưu hóa hoạt động) cho các CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Thực hiện cấp phát, thu hồi, thay đổi quyền của các tài khoản truy cập các CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm cho các cá nhân đang công tác tại BHXH Việt Nam và các cá nhân ngoài ngành BHXH Việt Nam khi được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam cho phép.

3. Thực hiện cài đặt hệ quản trị CSDL; theo dõi, xử lý, khắc phục các sự cố liên quan đến CSDL, không gian lưu trữ dữ liệu; hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu; đồng bộ, đối soát dữ liệu giữa các CSDL; thực hiện khôi phục dữ liệu định kỳ; kiểm tra, đánh giá việc khôi phục dữ liệu.

4. Phối hợp việc tích hợp, trao đổi dữ liệu thông qua dịch vụ API giữa hệ thống thông tin, CSDL của BHXH Việt Nam; CSDL dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với các hệ thống thông tin; CSDL quốc gia, CSDL của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan nhà nước khác.

5. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các sự cố trong quá trình vận hành các CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Trung tâm CNTT theo dõi, tổng hợp, báo cáo, trên cơ sở đó đề xuất BHXH Việt Nam xem xét khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích, sáng kiến trong việc tổ chức, quản lý dữ liệu, CSDL từ CSDL ngành BHXH Việt Nam; CSDL quốc gia về Bảo hiểm và bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc phạm vi quản lý của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Các đơn vị và cá nhân trong ngành BHXH Việt Nam nếu vi phạm Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Quyết định số 3766/QĐ-BHXH ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý đối với người được áp dụng chế độ công chức, viên chức, người lao động ngành BHXH Việt Nam, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của BHXH Việt Nam và của pháp luật.

3. Người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để xảy ra các vi phạm của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi quản lý do không thực hiện việc quán triệt, phổ biến, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy chế của tổ chức, cá nhân trong đơn vị.

4. Các đơn vị cung cấp dịch vụ, cá nhân thuộc đơn vị cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng đã ký hoặc thỏa thuận với BHXH Việt Nam, bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH tỉnh, Giám đốc BHXH huyện có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đến từng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý các quy định của Quy chế này và quy định pháp luật liên quan; tổ chức rà soát toàn diện việc tổ chức, quản lý, dữ liệu, CSDL thuộc phạm vi chỉ đạo; việc xử lý dữ liệu cá nhân tại đơn vị theo quy định của Quy chế.

2. Trung tâm CNTT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành các quy định, quy trình liên quan được giao trong Quy chế này; chủ trì tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế.

3. Trong thời gian chưa xây dựng đầy đủ các cấu phần của CSDL quốc gia về Bảo hiểm, các đơn vị khi kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi CSDL quốc gia về Bảo hiểm đảm bảo tuân thủ Nghị định 43/2021/NĐ-CP; Nghị định 47/2020/NĐ-CP; Nghị định 13/2023/NĐ-CP; Nghị định 47/2024/NĐ-CP và quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Trung tâm CNTT để tổng hợp, trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chu Mạnh Sinh

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BHXH ngày /..... / 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH BHXH VIỆT NAM**

TT	Tên hệ thống thông tin/CSDL	Đơn vị chủ trì cấp TW	Đơn vị chủ trì cấp tỉnh
1	Văn bản điều hành	Văn phòng	Văn phòng
2	Hội nghị truyền hình trực tuyến	Văn phòng	Văn phòng
3	Quản lý Thu và Quản lý Sổ Thẻ	Ban Quản lý Thu, Sổ - Thẻ	Phòng Quản lý Thu-Sổ thẻ
4	Cấp mã số BHXH và Quản lý BHYT hộ gia đình	Ban Quản lý Thu, Sổ - Thẻ	Phòng Quản lý Thu-Sổ thẻ
5	Kế toán tập trung	Vụ Tài chính – Kế toán	Phòng Kế hoạch-Tài chính
6	Thu nộp, chi trả BHXH điện tử	Vụ Tài chính - Kế toán	Phòng Kế hoạch-Tài chính
7	Quản lý tài khoản đầu tư tự động	Vụ Tài chính - Kế toán	
8	Xét duyệt Chính sách	Ban THCS BHXH	Phòng Chế độ BHXH
9	Đấu thầu thuốc	Ban THCS BHYT	Phòng Giám định BHYT
10	Cổng tiếp nhận dữ liệu (từ Cơ sở KCB)	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến	Phòng Giám định BHYT
11	Hệ thống thông tin giám định BHYT	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến	Phòng Giám định BHYT
12	Giám sát giám định BHYT	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến	Phòng Giám định BHYT
13	Quản lý thuốc	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến	Phòng Giám định BHYT
14	Đầu tư Quỹ	Vụ Đầu tư quỹ	
15	Lưu trữ hồ sơ điện tử	Trung tâm Lưu trữ	Văn phòng
16	Hồ sơ hành chính điện tử (hồ sơ số hóa)	Trung tâm Lưu trữ	Văn phòng
17	Quản lý Nhân sự	Vụ Tổ chức cán bộ	Phòng Tổ chức cán

			bộ
18	Quản lý hoạt động Thanh tra - Kiểm tra	Thanh tra BHXH Việt Nam	Phòng Thanh tra – Kiểm tra
19	Đào tạo trực tuyến	Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH	
20	Thi đua khen thưởng	Vụ Thi đua _ khen thưởng	Phòng Tổ chức cán bộ
21	Chăm sóc khách hàng	Trung tâm Chăm sóc khách hàng	Phòng Truyền thông
22	Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung (DWH)	Trung tâm CNTT	Phòng Kế hoạch-Tài chính
23	Cổng thông tin điện tử	Trung tâm Truyền thông	Phòng Truyền thông
24	Quản lý định danh và truy cập người dùng	Trung tâm CNTT	Văn phòng
25	Tiếp nhận và quản lý hồ sơ	Trung tâm CNTT	Văn phòng
26	Cổng dịch vụ công	Văn phòng	Văn phòng
27	VssID - BHXH số	Trung tâm CNTT	Văn phòng
28	Thư điện tử	Trung tâm CNTT	Văn phòng
29	Quản lý Thiết bị CNTT	Trung tâm CNTT	Văn phòng
30	Quản lý tài sản tập trung	Vụ Tài chính – Kế toán	Phòng Kế hoạch-Tài chính
31	Quản lý dòng tiền	Vụ Tài chính – Kế toán	
32	Thẩm định Quyết toán	Vụ Tài chính – Kế toán	Phòng Kế hoạch-Tài chính
33	Tương tác đa phương tiện giữa người dân và doanh nghiệp với cơ quan BHXH	Trung tâm CNTT	
34	Trao đổi và tích hợp thông tin thống nhất ngành BHXH	Trung tâm CNTT	
35	Chữ ký số chuyên dùng	Trung tâm CNTT	Văn phòng

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BHXH ngày .../... / 20..... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI
 ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP/HỦY/KHÓA/THAY ĐỔI TÀI KHOẢN, QUYỀN TRUY CẬP

Kính gửi:

STT	Họ và Tên người dùng	Chức vụ	Đơn vị	Địa chỉ thư điện tử	Tài khoản truy cập đang dùng (Nếu có)	Nội dung đề nghị ¹
1						
2						
3						
4						
5						

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo bộ phận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mô tả đầy đủ chi tiết quyền đề nghị được cấp trên hệ thống thông tin

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BHXH ngày .../... / 20... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI

ĐƠN VỊ:.....

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ YÊU CẦU

Kính gửi:.....

Thông báo kết quả tiếp nhận, xử lý yêu cầu cấp/khóa, hủy/thu hồi, thay đổi quyền truy cập vào hệ thống thông tin, CSDL ngành BHXH Việt Nam đối với các tài khoản:

STT	Tên Tài khoản	Kết quả			Ghi chú
		Đã thực hiện	Từ chối	Lý do từ chối	

Nơi nhận:

-
-

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo bộ phận

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BHXH ngày .../... / 20.... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI
ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỔNG HỢP CẤP MỚI/KHÓA/HỦY/THU HỒI/THAY ĐỔI QUYỀN TRUY CẬP
THÁNG/QUÝ ... NĂM**

Kính gửi: Tên đơn vị nhận báo cáo

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Phòng/ Ban/ Bộ phận	Địa chỉ thư điện tử ngành	Tài khoản truy cập phần mềm đã được cấp	Ngày, tháng, năm cấp mới/thu hồi/hủy/thay đổi quyền truy cập	Lý do, mục đích cấp mới/thu hồi/thay đổi quyền truy cập	Ghi chú

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo bộ phận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BHXH ngày .../... / 20... của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬT KÝ SAO LƯU DỮ LIỆU

Tháng....năm....

STT	Ngày/Giờ thực hiện sao lưu	Họ và Tên người thực hiện/kiểm tra	Tài khoản truy cập hệ thống	Tên CSDL sao lưu	Kích thước CSDL sao lưu	Tình trạng sao lưu	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo bộ phận

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)